

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2021/DS-PT**

Ngày: 29-01-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo

Các thẩm phán:

Bà Đỗ Thị Nhung

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 250/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 268/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 05/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn M, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/02/2020): Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1982; trú tại: Khu phố D, phường Đ, thành phố E, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M: Luật sư Nguyễn Thái H, thuộc Công ty Luật TNHH hai thành viên L – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Hợp tác xã thương mại dịch vụ X.

Địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Ngọc H1 – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Hợp tác xã thương mại dịch vụ X: Luật sư Trần T1, thuộc Văn phòng luật sư P – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị H2, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện vào ngày 31/5/2019 của ông Trương Văn M; lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm của ông M và ông Nguyễn Đình T (người đại diện theo ủy quyền của ông M):*

Ông Trương Văn M là thành viên của Hợp tác xã Thương mại - Dịch vụ X (gọi tắt là Hợp tác xã X). Vào năm 2012, Hợp tác xã X gặp khó khăn về tài chính nên có hỏi vay tiền của vợ chồng ông M. Sau khi bàn bạc với vợ là bà Trần Thị H2, ông M đã cùng bà H2 cầm cố tài sản chung của vợ chồng được số tiền 500.000.000 đồng và mang cho Hợp tác xã X vay.

Ngày 23/11/2012, ông Lý Ngọc H1 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc đã đại diện cho Hợp tác xã X lập giấy mượn tiền với bà Trần Thị H2, nội dung thể hiện Hợp tác xã X có vay của bà H2 số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất 4%/1 tháng (20.000.000 đồng/1 tháng), thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất trả đầu kỳ và cam kết trả gốc vào ngày 23/02/2013. Tuy nhiên, khi đến hạn Hợp tác xã X đã không thực hiện nghĩa vụ trả gốc vay cho vợ chồng ông M như thỏa thuận và đến ngày 14/3/2013, Hợp tác xã X có trả cho vợ chồng ông M được số tiền lãi 90.000.000 đồng của 04 tháng 09 ngày vay (từ ngày 23/11/2012 đến ngày 14/3/2013).

Ngày 23/6/2013, Hợp tác xã X vì không có tiền trả nên đã chốt và viết lại giấy mượn tiền, cụ thể là có mượn của vợ chồng ông M số tiền 550.000.000 đồng và cam kết đến ngày 23/9/2013 sẽ trả. Lý do chốt số tiền vay thành

550.000.000 đồng là tính gộp 50.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 14/3/2013 đến ngày 23/6/2013 vào.

Đến ngày 23/9/2013, Hợp tác xã X cũng không có tiền trả nên tiếp tục chốt nợ và ngày 23/11/2013 đã viết lại giấy mượn thêm số tiền 110.000.000 đồng (thực ra là tiền lãi của 05 tháng từ ngày 23/6/2013 đến ngày 23/11/2013 tính theo lãi suất 4%/tháng x 550.000.000 đồng).

Đến ngày 23/02/2014, tiếp tục chốt thêm tờ giấy mượn tiền cả gốc + lãi là 739.200.000 đồng và đến ngày 23/5/2014, chốt tờ giấy mượn tiền cuối cùng với tổng số tiền gốc + lãi là 827.904.000 đồng.

Do đến thời hạn trả nợ nhưng Hợp tác xã X không trả nên ông M đã làm đơn khiếu nại, vì vậy Hợp tác xã X mới có đợt thanh tra vào tháng 9/2014. Năm 2017, ông M có nộp đơn khởi kiện tại Tòa án Xuân Lộc yêu cầu tuyên bố phá sản đối với Hợp tác xã X, ngày 28/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã ban hành Quyết định số 01/2018/QĐ-TTPS không mở thủ tục phá sản đối với Hợp tác xã X, ông M tiếp tục khiếu nại nên ngày 09/01/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên hủy Quyết định số 01/2018/QĐ-TTPS ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc và vụ án được tiếp tục giải quyết.

Tuy nhiên, do ngày 05/7/2018, Hợp tác xã X đã trả cho vợ chồng ông M số tiền 550.000.000 đồng nên ngày 28/5/2019 ông M rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Hợp tác xã X và ngày 31/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã ban hành quyết định số 01/2019/QĐ-TTPS không mở thủ tục phá sản đối với Hợp tác xã X.

Do ngày 05/7/2018, vợ chồng ông M chỉ mới nhận được số tiền gốc là 500.000.000 đồng và số tiền lãi là 50.000.000 đồng nên tính tổng cộng thì vợ chồng ông M chỉ mới nhận được số tiền gốc 500.000.000 đồng và tổng số tiền lãi là 140.000.000 đồng của 07 tháng (tính từ ngày 23/11/2012 đến ngày 23/6/2013). Như vậy, cho thấy thời gian từ ngày 23/6/2013 đến ngày 05/7/2018 vợ chồng ông M chưa nhận được khoản tiền lãi nào từ Hợp tác xã X, do vậy nên ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Hợp tác xã X phải trả cho vợ chồng ông M tiền lãi của số tiền gốc 500.000.000 đồng theo quy định pháp luật từ ngày 23/6/2013 đến ngày 05/7/2018. Trường hợp số tiền lãi 140.000.000 đồng vợ chồng ông M đã nhận (từ ngày 23/11/2012 đến ngày 23/6/2013) bị yêu cầu cản trừ thì đề nghị Tòa án xem xét buộc Hợp tác xã X phải trả tiền lãi từ ngày 23/11/2012 đến ngày 05/7/2018 cho vợ chồng ông M theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm ông M yêu cầu lãi suất như sau:

- Lãi trong hạn tính từ ngày 23/11/2012 đến ngày 05/7/2018 với tổng số tiền 384.187.500 đồng (68,3 tháng x 1,125%/tháng).

- Lãi quá hạn tính từ ngày 23/6/2013 đến ngày 05/7/2018 với tổng số tiền là 299.500.000 đồng (61,2 tháng x 0,75%/tháng).

=> Tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn là 613.687.500 đồng, cần trừ số tiền lãi vợ chồng ông M đã nhận là 140.000.000 đồng, còn lại 473.687.500 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng ông M còn yêu cầu Hợp tác xã X phải trả khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả tính từ ngày 05/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 101.828.602 đồng (473.687.500 đồng x (10%/12 tháng) x 25,9 tháng).

Như vậy, tổng số tiền lãi vợ chồng ông M yêu cầu Hợp tác xã X phải trả là 575.516.102 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lý Ngọc H1 – người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã Thương mại – Dịch vụ X trình bày:*

Ông Trương Văn M là thành viên của Hợp tác xã X. Ngày 23/11/2012, Hợp tác xã X có vay của bà Trần Thị H2 vợ ông M số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng.

Do không có tiền trả gốc khi đến hạn nên ngày 14/3/2013, Hợp tác xã X chỉ trả cho bà H2 được số tiền lãi 90.000.000 đồng, những tháng tiếp theo do khó khăn về tài chính nên Hợp tác xã X đã không trả lãi cho bà H2. Theo giấy thì ông M ghi có nhận số tiền lãi 90.000.000 đồng vào ngày 14/3/2013, nhưng trên thực tế ngay ngày 23/11/2012, ông M đã nhận trước của Hợp tác xã X số tiền lãi 60.000.000 đồng và đến ngày 14/3/2013, Hợp tác xã X trả thêm 30.000.000 đồng nên mới chốt số tiền lãi là 90.000.000 đồng. Do việc trả trước số tiền lãi 60.000.000 đồng cho ông M không được lập trên giấy tờ nên ông M không thừa nhận, tuy nhiên Hợp tác xã X xét thấy cũng không cần thiết nên không yêu cầu xem xét.

Đến ngày 23/6/2013, Hợp tác xã X và vợ chồng ông M có thỏa thuận gộp số tiền lãi vào số tiền gốc nên mới ra tổng số tiền nợ là 550.000.000 đồng. Vì khu chợ do Hợp tác xã X đầu tư xây dựng không hoạt động gây ra khó khăn về tài chính cho Hợp tác xã nên ngày 23/11/2013, hai bên thống nhất chốt số tiền lãi là 110.000.000 đồng của 05 tháng từ ngày 23/6/2013 đến ngày 23/11/2013.

Ngày 23/02/2014, hai bên tiếp tục chốt lại số tiền gốc + lãi là 739.200.000 đồng và đến ngày 23/5/2014 chốt lại tại giấy mượn tiền cuối cùng với số tiền gốc và lãi là 827.904.000 đồng.

Ngày 05/7/2018, Hợp tác xã X đã thỏa thuận trả cho bà H2 dứt điểm số tiền gốc và lãi là 550.000.000 đồng, ngoài ra Hợp tác xã X còn trả cho ông M số tiền 120.000.000 đồng vốn góp điều lệ. Như vậy, trong thời gian từ ngày 23/11/2012 đến ngày 05/7/2018, Hợp tác xã X đã trả cho bà H2 số tiền lãi là 140.000.000 đồng cùng với số tiền gốc 500.000.000 đồng nên Hợp tác xã đề nghị Tòa án xem xét. Riêng số tiền 120.000.000 đồng Hợp tác xã đã trả cho ông M về khoản vốn góp điều lệ, Hợp tác xã xác định không liên quan trong vụ án này nên không yêu cầu xem xét.

Do mục đích Hợp tác xã X vay tiền của bà H2 và ông M là để đầu tư vào dự án chợ, nhưng vì sau này chợ không hoạt động nên Hợp tác xã gặp khó khăn về tài chính, Hợp tác xã đã cố gắng hết sức để trả dứt điểm số tiền 550.000.000 đồng gốc và lãi cho bà H2 vào ngày 5/7/2018, đồng thời bản thân bà H2 cũng thống nhất nhận số tiền trên và không có ý kiến gì.

Nay ông M và bà H2 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Hợp tác xã X phải trả thêm khoản tiền lãi (từ ngày 23/11/2012 đến ngày 05/7/2018) 575.516.102 đồng thì Hợp tác xã X không đồng ý. Bởi lẽ, theo giấy nhận tiền ngày 05/7/2018, bà H2 có cam kết rằng đã nhận đủ các khoản tiền mà ông bà đã cho Hợp tác xã X vay, ngoài ra theo Hợp tác xã X thì thời hiệu khởi kiện của ông M và bà H2 cũng đã hết vì việc vay tiền phát sinh từ năm 2012, năm 2019 ông M mới khởi kiện là đã quá thời hạn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/DS-ST ngày 11/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào các Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ vào các Điều 157 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của vợ chồng ông Trương Văn M và bà Trần Thị H2 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với Hợp tác xã Thương mại – Dịch vụ X. Buộc Hợp tác xã Thương mại – Dịch vụ X phải thanh toán cho vợ chồng ông Trương Văn M và bà Trần Thị H2 số tiền 146.375.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/9/2020, ông Trương Văn M có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 26/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Hợp tác xã X phải thanh toán cho ông số tiền 575.909.263đ, trong đó: tiền lãi trong hạn là 384.187.500đ, tiền lãi quá hạn còn chưa thanh toán là 89.500.000đ (tổng lãi quá hạn là 229.500.000đ, đã trả 140.000.000đ nên còn nợ 89.500.000đ), tiền lãi phát sinh do chậm trả là 101.828.602đ. Vào ngày 21/01/2021, ông M đã gửi đơn xin rút kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Ngày 21/9/2020, Hợp tác xã X có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 26/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện, ngoài ra vào ngày 05/7/2018 nguyên đơn cũng đã ký giấy xác nhận đã nhận đủ các khoản tiền đã cho Hợp tác xã X vay.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn phúc thẩm đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ thì việc Hợp tác xã X vay tiền của vợ chồng ông Trương Văn M, bà Trần Thị H2 là sự thật. Với số nợ vay ban đầu là 500.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng, Hợp tác xã tuy có trả lãi nhưng không đầy đủ và từ ngày vay (23/11/2012) đến ngày 23/5/2014 đôi bên đã thỏa thuận lập lại ba giấy mượn tiền với tổng số tiền gốc lãi là 827.904.000 đồng. Nguyên nhân không trả đủ gốc lãi và lập giấy mượn tiền nhiều lần, theo Hợp tác xã là do đầu tư vào dự án chợ nhưng chợ không hoạt động nên gặp khó khăn về tài chính. Tuy nhiên, vào ngày 05/7/2018, Hợp tác xã đã thanh toán cho bà Trần Thị H2 số tiền 550.000.000 đồng. Căn cứ theo giấy thanh toán nợ vay vào ngày 05/7/2018 do Hợp tác xã X cung cấp thể hiện Hợp tác xã X đã thanh toán nợ vay theo giấy nợ vay ngày 23/11/2012 của ông bà Trần Thị H2 với số tiền là 550.000.000 đồng, hình thức thanh toán bằng SEC và ông bà Trần Thị H2 cam kết đã nhận đủ vốn, lãi nợ vay theo giấy vay nợ ban đầu vào ngày 23/11/2012. Do vậy nên nhận thấy việc Hợp tác xã X cho rằng đã trả nợ cho vợ chồng ông M, bà H2 theo giấy thanh toán nợ ngày 05/7/2018 là có cơ sở. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục tính lãi suất khi các bên đương sự đã thỏa thuận thanh toán xong hợp đồng vay là không có căn cứ vững chắc nên kháng cáo của đại diện Hợp tác xã X là có cơ sở chấp nhận.

Đối với nội dung kháng cáo của Hợp tác xã X về thời hiệu khởi kiện nhận thấy: Năm 2012 phát sinh quan hệ giao dịch vay tiền giữa Hợp tác xã X và bà H2 (vợ ông M), tuy nhiên đến ngày 05/7/2018 Hợp tác xã X mới trả được cho bà H2 số tiền gốc lãi 550.000.000 đồng và ngày 31/5/2019, ông Trương Văn M khởi kiện Hợp tác xã X yêu cầu trả thêm tiền lãi nên căn cứ Điều 157 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Trương Văn M và Hợp tác xã X vẫn còn thời hiệu khởi kiện là đúng, do vậy yêu cầu kháng cáo trên của Hợp tác xã X là không có cơ sở.

Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, do nguyên đơn có đơn xin rút vào ngày 21/01/2021 nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Trương Văn M và chấp nhận một phần kháng cáo của Hợp tác xã X. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo hướng không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn trong hạn luật định, đồng thời nguyên đơn và bị đơn cũng đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng.

[3] Về tư cách đương sự: Theo đơn khởi kiện vào ngày 31/5/2019 thì chỉ có một mình ông Trương Văn M đứng đơn, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chỉ ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho một mình ông M và tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 142/TB-TLVA ngày 22/7/2019, Tòa án cấp sơ thẩm cũng xác định nguyên đơn là ông M. Do vậy, nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà Trần Thị H2 (vợ ông M) vào tham gia tố tụng với tư cách đồng nguyên đơn với ông M là không đúng nên cần sửa tư cách tham gia tố tụng của bà H2 trong vụ án thành là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn: Do nguyên đơn đã có đơn xin rút kháng cáo vào ngày 21/01/2021 nên căn cứ khoản 2 Điều 289 và khoản 1 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của nguyên đơn.

[5] Về nội dung kháng cáo của bị đơn: Trên cơ sở lời khai của các bên đương sự và chứng các cứ có tại hồ sơ, nhận thấy có căn cứ xác định vào ngày 23/11/2012, Hợp tác xã X có vay của vợ chồng ông Trương Văn M và bà Trần Thị H2 số tiền 500.000.000 đồng (lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng và lãi trả đầu kỳ). Quá trình vay, Hợp tác xã X có trả lãi cho vợ chồng ông M nhưng không đầy đủ, từ ngày 23/11/2012 đến ngày 23/5/2014 hai bên đã thỏa thuận và lập lại ba giấy mượn tiền với tổng số tiền gốc lãi là 827.904.000 đồng. Theo Hợp tác xã X thì số tiền vay được đầu tư vào dự án xây dựng chợ, nhưng do chợ không đưa hoạt động được nên Hợp tác xã mới gặp khó khăn về tài chính dẫn đến việc không trả nợ đúng hạn, tuy nhiên vào ngày 05/7/2018 sau khi thống nhất thỏa thuận về việc trả gốc và lãi, Hợp tác xã X đã thanh toán cho bà H2 số tiền 550.000.000 đồng bao gồm số tiền gốc vay là 500.000.000 đồng và lãi là 50.000.000 đồng.

Theo nội dung giấy thanh toán nợ vay vào ngày 05/7/2018 thể hiện như sau: “....*tại trụ sở Hợp tác xã TM-DV Xuân Định chúng tôi đã thanh toán nợ vay theo giấy nợ vay ngày 23/11/2012 của ông/bà Trần Thị H2..... số tiền Hợp tác xã TM-DV Xuân Định đã thanh toán là 550.000.000 đồng, hình thức thanh toán SEC, ông/bà Trần Thị H2 cam kết rằng đã nhận đủ các khoản tiền mà ông/bà đã cho Hợp tác xã TM-DV Xuân Định vay*”, như vậy, qua nội dung trên cho thấy vào ngày 05/7/2018, bà H2 đã thỏa thuận với Hợp tác xã X về việc trả dứt điểm các khoản nợ (được hiểu là cả gốc và lãi vì số tiền gốc vay chỉ có 500.000.000 đồng) theo giấy nợ vay ngày 23/11/2012. Do vậy, nhận thấy việc Hợp tác xã X xác định đã trả hết nợ gốc và nợ lãi cho vợ chồng ông M theo giấy thanh toán nợ vào ngày 05/7/2018 là có cơ sở.

Đối với nội dung kháng cáo của Hợp tác xã X về thời hiệu khởi kiện nhận thấy: Năm 2012 phát sinh giao dịch vay tiền giữa Hợp tác xã X với vợ chồng ông M và bà H2, tuy nhiên đến ngày 05/7/2018, Hợp tác xã X mới trả cho vợ chồng ông M và bà H2 số tiền gốc lãi là 550.000.000 đồng. Như vậy, việc ông M có đơn khởi kiện Hợp tác xã X vào ngày 31/5/2019 yêu cầu trả thêm tiền lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 157 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài

sản giữa ông M và Hợp tác xã X vẫn còn thời hiệu khởi kiện là đúng, vì vậy kháng cáo trên của Hợp tác xã X là không có cơ sở.

Từ sự nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của Hợp tác xã X và căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông M đối với Hợp tác xã X về việc yêu cầu Hợp tác xã X phải trả cho vợ chồng ông M số tiền lãi 575.516.102 đồng.

[6] Ngoài ra, nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết yêu cầu tranh chấp về tiền lương của ông M đối với Hợp tác xã X trong vụ án này là đúng với quy định. Tuy nhiên, vì thiếu kiểm tra, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo cho ông M nộp tiền tạm ứng án phí tranh chấp hợp đồng vay tài sản luôn cả đối với khoản tiền lương ông M yêu cầu Hợp tác xã Xuân Đình phải thanh toán là không chính xác. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc xem xét về các yêu cầu của đương sự thể hiện trong đơn khởi kiện trước khi ra thông báo cho đương sự nộp tiền tạm ứng án phí.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hợp tác xã X không phải chịu do yêu cầu khởi kiện của ông M không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

- Bà H2 không phải chịu do được Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tụng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Ông M phải chịu 27.020.644 đồng, trừ vào số tiền 12.505.050 đồng tạm ứng án phí ông M đã nộp tại biên lai thu số 0003121 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, số tiền ông M còn phải tiếp tục nộp là 14.515.594 đồng.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Hợp tác xã X không phải chịu do được chấp nhận một phần kháng cáo; hoàn trả lại cho Hợp tác xã X số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0004106 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

- Ông M phải chịu 150.000 đồng; hoàn trả lại cho ông M số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0004108 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 289, khoản 1 Điều 312 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Trương Văn M.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Hợp tác xã Thương mại – Dịch vụ X.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ vào các Điều 157 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M đối với Hợp tác xã Thương mại – Dịch vụ X về việc yêu cầu Hợp tác xã Thương mại – Dịch vụ X phải trả cho ông M và bà Trần Thị H2 số tiền lãi 575.516.102 đồng (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm mười sáu nghìn, một trăm lẻ hai đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hợp tác xã Thương mại – Dịch vụ X không phải chịu.

Ông Trương Văn M phải chịu 27.020.644 đồng (*Hai mươi bảy triệu, không trăm hai mươi nghìn, không trăm năm mươi đồng*), trừ vào số tiền 12.505.050 đồng (*Mười hai triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, không trăm năm mươi đồng*) tạm ứng án phí ông M đã nộp tại biên lai thu số 0003121 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, số tiền ông M còn phải tiếp tục nộp là 14.515.594 đồng (*Mười bốn triệu, năm trăm mười lăm nghìn, năm trăm chín mươi bốn đồng*).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hợp tác xã Thương mại – Dịch vụ X không phải chịu; hoàn trả lại cho Hợp tác xã Thương mại – Dịch vụ X số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0004106 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

- Ông M phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*); hoàn trả lại cho ông M số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0004108 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thảo